

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạt lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 3

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 25/05/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành! A-di-đà Phật! Mời để tay xuống!

Chúng ta tiếp tục học tập đoạn lời nói đầu của đại sư Ngẫu Ích. Hôm qua đã nói với mọi người về ba ý nghĩa của sa-di, đã giảng đến ý nghĩa thứ ba rồi:

“Thứ ba là cầu tịch, cầu thiên chân Niết-bàn là Tạng Thông sa-di. Cầu đại Bát-niết-bàn là Biệt Viên sa-di”.

Nghĩa của “cầu tịch” là nói cầu Niết-bàn tịch tĩnh. Thế nào gọi là cầu tịch? Phía sau nói với chúng ta là “thủy bồn hợp nhất”, nghĩa là thủy giác và bồn giác hợp thành một. “Cầu” chính là thủy giác, “tịch” chính là bồn giác. Bồn giác tức là sự giác ngộ vốn dĩ sẵn có rồi, không phải do tu mới có.

Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nói với chúng ta về ý nghĩa của bồn giác. Đoạn văn này vô cùng hay, nói rằng: “*Nghĩa của giác là tâm thể lìa khỏi vọng niệm, tướng trạng của lìa khỏi vọng niệm là trọn khắp hư không giới, không chỗ nào không có. Là pháp giới nhất tướng, chính là pháp thân bình đẳng của Như Lai, nương theo pháp thân này thì gọi là bồn giác*”. Đây là nói ý nghĩa của giác là gì? Cũng chính là nói tâm thể của chúng sanh chúng ta, bồn thể của tự tâm, nó lìa khỏi hết thấy vọng niệm, mà tướng trạng lìa khỏi vọng niệm là “trọn khắp hư không giới”, cũng tức là dọc cùng khắp ba đời, ngang trọn khắp mười phương, hết thấy thời gian, không gian đều ở trong tâm thể của một niệm này. “Không chỗ nào không có” tức là trùm khắp hết thấy mọi pháp giới, mỗi một góc ngách, mỗi một

chúng sanh, đây là nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể. Nói là trùm khắp, nếu đối với chúng sanh hữu tình thì gọi là Phật tánh, đối với chúng sanh vô tình thì gọi là pháp tánh. Nương theo bản giác này, cũng chính là pháp thân bình đẳng của Như Lai, thì gọi là bản giác. Bởi vì đây là linh tri linh giác vốn có, tùy duyên mà không biến đổi. Nói cách khác, hết thấy chúng sanh hữu tình, vô tình trong pháp giới đều vốn có linh giác. Linh giác tức là nói “thấy, nghe, hay, biết” của họ đều trọn khắp pháp giới.

Tiếp theo trong Khởi Tín Luận lại nói: *“Vì sao vậy? Nghĩa của bản giác là đối với nghĩa của thủy giác mà nói, được thủy giác rồi thì giống như bản giác vậy”*. Vì sao gọi điều này là bản giác vậy? Nghĩa của bản giác là đối với thủy giác mà nói. Thủy giác chính là bắt đầu khai ngộ, từ khi bắt đầu cho đến cuối cùng, giác ngộ viên mãn rốt ráo rồi thì giống như bản giác vậy. Lúc này chính là “thủy bản hợp nhất”. Cho nên, hai chữ “câu tịch” này chính là nói đến thủy giác và bản giác hợp thành một.

Vì sao nói có thủy giác? Chắc chắn có bất giác thì mới nói đến thủy giác. Cho nên, Khởi Tín Luận lại nói tiếp rằng: *“Nghĩa của thủy giác là do y theo bản giác mà có bất giác. Do y theo bất giác nên nói có thủy giác”*. Nghĩa của thủy giác cũng chính là y theo lý thể của bản giác mà nói. Bởi vì có bất giác, bất giác này chính là vô minh, vô minh vọng động, cho nên đối diện với tướng cảnh giới thì khởi lên các loại vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Mà bản giác này lại thuận theo nhân duyên của những ô nhiễm này nên thủy giác và bản giác đều không hiển lộ, do đó gọi là bất giác. Không phải nói không có bản giác, bản giác không hề mất đi, chỉ là không hiển lộ mà thôi. Bây giờ nếu bắt đầu giác ngộ rồi, từ trong mê hoặc, vọng tưởng, tạo nghiệp mà quay đầu thì đây gọi là thủy giác. Có thủy giác rồi thì bản giác tự nhiên liền hiển hiện, cho nên thủy giác là đối với bản giác mà nói. Thủy giác là do bất giác mà nói. Do có bất giác nên mới nói có thủy giác, cho nên bản giác này ẩn hiện là tùy theo các nhân duyên khác nhau. Tâm của chúng ta là chân vọng hòa hợp, chân tâm là bản giác, vọng tâm là bất giác. Sanh khởi trí tuệ thủy giác này chính là một quá trình từ bất giác đi đến bản giác. Điều này cần có nhân duyên. Nhân là lý thể bản giác của chúng ta. Bản giác có khả năng huân tu một cách tự nhiên, đồng thời chúng ta cũng cần có duyên. Duyên chính là thân cận thiện tri thức, nghe hiểu được chánh pháp. Như vậy mà tiến thêm một bước nữa tu hành

nư lý, tư duy như lý thì dần dần có thể giác ngộ. Cuối cùng thủy giác sẽ hợp nhất với bốn giác. Đây gọi là ý nghĩa của “cầu tịch”.

Ở đây lại chia thành hai loại cầu tịch. Cầu được “thiên chân Niết-bàn” là thuộc về “Tạng Thông sa-di”. Thiên chân chính là nói ngũ ấm của chúng ta: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Điều này đã bao gồm cả thân tâm của chúng ta rồi, gọi là hai phương diện vật chất và tinh thần. Sắc chính là vật chất, thọ tưởng hành thức chính là tinh thần, bao gồm 12 nhập, 18 giới cũng chính là 6 căn, 6 thức, 6 trần. Tất cả những pháp này thấy đều diệt hết rồi thì chúng đắc được cảnh giới Niết-bàn không sanh không diệt. Đây gọi là thiên chân Niết-bàn. Loại Niết-bàn này chỉ chứng được pháp tánh thiên chân, đây là nói đối lập với bên ngoài sự tướng nhân quả. Sự tướng của nhân quả gọi là tục đế, loại pháp tánh thiên chân này chính là chân đế. Trong giáo lý của Tạng giáo, Thông giáo thì hai đế chân và tục này là khác biệt và không thể viên dung, cho nên gọi là thiên chân. Đây là nói theo giáo lý của Đại thừa. Trong giáo lý Đại thừa nói chân tục không hai, đây là chân tướng sự thật. Nói theo đạo lý “chân và tục không hai” thì chân đế này là chân đế bên ngoài sự tướng nhân quả, nên gọi là thiên chân, là nói như vậy.

“Biệt Viên sa-di” họ cầu là đại Niết-bàn, cũng tức là nói loại Niết-bàn “chân tục không hai” này là mục tiêu mà Biệt giáo và Viên giáo theo đuổi. Đại Niết-bàn cũng gọi là đại diệt độ, đại viên tịch. Căn cứ theo “Thiên Thai Tứ Giáo Nghi Tập Chú - quyển thượng” có nói, đại chính là pháp thân đức, diệt chính là giải thoát đức, độ chính là bát-nhã đức, cho nên đại Niết-bàn này cũng gọi là đại diệt độ, chính là bí tạng của tam đức. Viên tịch, viên nghĩa là nói không đức nào chẳng đủ, đức nào cũng đầy đủ hoàn mỹ thì gọi là viên. Không chướng nào chẳng diệt tận thì gọi là tịch, hết thấy nghiệp chướng đều đã trừ hết, hết thấy công đức thiện pháp không có cái nào mà không tròn đầy; hết thấy chướng ngại, sở tri chướng, phiền não chướng, cái nào cũng diệt trừ hết rồi thì đây gọi là tịch, do đó gọi là đại viên tịch.

Đại diệt độ gọi là tam đức: pháp thân đức, bát-nhã đức, giải thoát đức. Tam đức này, tam là nói ba cái: pháp thân, bát-nhã, giải thoát. Trên thực tế một mà ba, ba mà một. Đức chính là nói tứ đức “thường, lạc, ngã, tịnh”. Thường nghĩa là thường hằng, không dời, không đổi, không chuyển dời, không thay đổi. Lạc nghĩa là an ổn, thanh tịnh, tịch diệt, là loại chân lạc như vậy. Ngã đây không phải là cái tiểu ngã mà phạm phu thường nghĩ. Cái ngã này là nói pháp thân đại tự tại, không có bất cứ chướng ngại nào. Tịnh nghĩa là lìa khỏi hết thấy ô nhiễm. Đây chính là

bốn loại công đức trên quả vị Phật, bốn đức này kết hợp với pháp thân, bát-nhã, giải thoát thì mỗi một thứ đều có bốn đức. Cho nên pháp thân đức sẽ có thường lạc ngã tịnh, bát-nhã đức, giải thoát đức cũng giống như vậy, đều đầy đủ thường lạc ngã tịnh.

Thế nào gọi là pháp thân? Pháp nghĩa là pháp tắc, chuẩn mực. Tất cả chư Phật đều từ những pháp tắc, chuẩn mực này mà tu hành thành Phật, cho nên gọi là pháp thân. Ở nơi chư Phật mà nói thì pháp thân không tăng, ở nơi chúng sanh mà nói thì không giảm, chúng sanh chỉ mê mất nó mà thôi, còn chư Phật thì chúng ngộ được nó nên được tự tại, chỉ khác biệt ở mê ngộ, còn thể tánh là thường hằng giống nhau, đầy đủ thường lạc ngã tịnh, điều này người nào cũng có sẵn, đó gọi là pháp thân đức.

Thế nào gọi là bát-nhã? Bát-nhã đức, bát-nhã dịch sang nghĩa tiếng Hoa là trí tuệ. Loại trí tuệ này không giống như trí tuệ của thế gian thông thường, cũng gọi là diệu trí tuệ, cũng tức là có thể hiểu rõ chân tướng của hết thảy pháp, là loại trí tuệ như vậy. Chư Phật hiểu rõ hết thảy pháp đều là không sanh không diệt, gọi là “các pháp từ xưa nay, tướng nó thường tịch diệt”, chư Phật có thể giác ngộ được điều này, các ngài biết hết thảy các pháp vốn dĩ đều là không sanh không diệt, không sanh không diệt chính là thường, vốn dĩ là thanh tịnh vô tướng, đây chính là lạc, vốn dĩ là bình đẳng không hai, đây là nói ngã. Ngã không phải nói đối với con người, phạm phu thì có nhân ngã, có đúng sai. Chư Phật chỉ có ngã, người chính là mình, người và mình là một thể, bình đẳng không hai, vốn dĩ chính là thanh tịnh, thanh tịnh này là loại thanh tịnh “không như không sạch, không tăng không giảm”, lìa khỏi hết thảy đối đãi. Đây là tướng trạng vốn dĩ của các pháp, chư Phật dùng diệu trí tuệ quán sát thấy, đây gọi là bát-nhã đức.

Loại thứ ba là giải thoát đức, giải chính là không bị trói buộc, thoát nghĩa là tự tại, có thể lìa khỏi hết thảy ràng buộc, tức là hết thảy trói buộc mà đạt được tự do tự tại, đây gọi là giải thoát. Người hiện nay có một danh từ gọi giải thoát là giải phóng. Giải phóng toàn nhân loại, đây là mục tiêu cao xa của chủ nghĩa cộng sản, trong nhà Phật nói đến giải thoát đức chính là giải phóng toàn nhân loại; không những giải phóng toàn nhân loại, mà là giải phóng hết thảy chúng sanh trong vũ trụ pháp giới, mình và người đều được giải phóng, đều được giải thoát tự tại, nó cũng đầy đủ thường lạc ngã tịnh.

Cho nên đại diệt độ chính là bí tạng của tam đức, là bảo tạng bí mật trong tâm tánh. Bí mật này không phải là không để người khác biết, chư Phật hy vọng bạn biết, chỉ là bản thân bạn mê hoặc nên mới không biết, đối với người mê thì nói là bí mật thôi, bởi vì nó quá thâm mật, bày ra trước mặt mà bạn cũng không thấy được, từ ý nghĩa này nên nói là bí mật.

Làm thế nào để có thể chứng đắc được đại diệt độ này? Trong kinh Niết-bàn, kinh Niết-bàn có hai quyển, có quyển bắc và còn có quyển nam. “Kinh Niết-bàn quyển 26”, quyển bắc có nói thế này: “*Bồ-tát ma-ha-tát tu đại Niết-bàn thì đối với hết thảy pháp đều không thấy. Nếu như có thấy thì sẽ không thấy Phật tánh, không thể tu tập bát-nhã ba-la-mật, nên không vào được đại Bát-niết-bàn*”. Đây là nói đến Bồ-tát ma-ha-tát. Ma-ha-tát chính là nói đại Bồ-tát. Các ngài tu tập “đại Bát-niết-bàn”, chính là cầu tịch, đại diệt độ. “Đối với hết thảy pháp” tức là hết thảy tướng hiện hữu “đều không thấy”, đều hoàn toàn không thấy. Đoạn này rất sâu, nói rằng “đều không thấy” không phải nói nhắm mắt lại nên không thấy nữa, mà ý nói nhìn mà như không nhìn. Bởi vì hết thảy các pháp vốn dĩ chính là không, vốn dĩ không có, vốn dĩ không thể đạt được, chẳng những tướng không thể đạt được mà ngay đến tánh cũng không thể đạt được, cho nên đối với tánh tướng của hết thảy các pháp Bồ-tát đều không thấy. Nói không thấy chính là nói không thể đạt được. Trong Tâm Kinh nói “do không thể đạt được nên Bồ-đề tát-đỏa”, Bồ-đề tát-đỏa chính là chứng đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, nghĩa là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Bồ-tát an trụ ở trong cảnh giới đại Niết-bàn như vậy, không thấy tánh tướng của các pháp. Nếu nói có thấy thì không thấy Phật tánh, có thấy nghĩa là có cái để đạt được. Bạn nói vật này, cái thước này, tôi nhìn thấy cái thước, đây là thước của tôi, tôi có cái để đạt được rồi, nếu như vậy thì không thấy Phật tánh, tức là chấp nặng trên cái tướng này, chấp tướng thì không thấy tánh. Bồ-tát như vậy thì không thấy Phật tánh, cũng không thể tu tập bát-nhã ba-la-mật, không vào được đại Bát-niết-bàn. Họ chấp tướng thì không thể thấy được Phật tánh, không phải là tu tập bát-nhã. Người tu tập bát-nhã thì không chấp trước tất cả các tướng, cũng không chấp tánh, tánh cũng trọn chẳng thể đạt được. Người Thanh văn không chấp tướng nhưng các ngài vẫn còn chấp tánh, cho rằng có một pháp tánh thiên chân, như vậy cũng không chứng được đại Bát-niết-bàn. Cho nên lìa hết thảy tướng, hết thảy tánh thì mới có thể thật sự thấy Phật tánh. Đây chính là nói đến mật tạng của tam đức, đây là Biệt Viên sa-di. Sa-di trong Biệt giáo và Viên giáo mong cầu đại Bát-niết-bàn. Chúng ta xem tiếp phía sau:

“Lại nữa, Lô-xá-na dịch là tịnh mãn, dứt hết thấy ác nên gọi là tịnh, hành hết thấy từ nên gọi là mãn, do đó giới sa-di này chính là nhân chân thật của Lô-xá-na. Lại nữa Niết-bàn lấy không phóng túng làm thức ăn. Siêng năng khích lệ chính là không phóng túng, do đó giới sa-di này cũng là pháp thực của đại Niết-bàn. Lại nữa, tịch là lý của bốn giác, cầu là trí của thủy giác, thủy bốn hợp nhất thì gọi là cứu cánh giác, do đó giới sa-di này cũng chính là con đường lớn của cứu cánh giác”.

Mời xem đến đoạn này trước. “Lại nữa Lô-xá-na” dịch thành “tịnh mãn”. Lô-xá-na chúng ta đều biết, Lô-xá-na Phật có nghĩa là tịnh mãn. Thế nào gọi là tịnh? “Dứt hết thấy ác”, đây gọi là tịnh; hết thấy pháp ác, cái nào cũng diệt trừ rồi. “Hành hết thấy từ”, hết thấy những việc từ bi cứu giúp chúng sanh chẳng có việc nào mà không tận sức để làm, đây gọi là mãn. Cho nên nghĩa thứ nhất của sa-di gọi là tức từ, đây chính là “giới sa-di”, cho nên giới sa-di chính là “nhân chân thật” để Lô-xá-na Phật thành Phật. Do đó, muốn thành Phật thì nhất định phải nghiêm túc giữ tốt giới sa-di.

Thực tế mà nói làm sa-di cũng phải học thêm giới tỳ-kheo. Giới tỳ-kheo gọi là giới cụ túc. Cụ túc chính là “dứt hết thấy ác, hành hết thấy từ” được nói ở đây, cũng chính là đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện, độ hết thấy chúng sanh, đây mới gọi là giới cụ túc. Có một điều không làm tốt thì đó không phải cụ túc. Sa-di cũng phải học thêm giới tỳ-kheo. Cho nên, bạn xem trong luật tạng nói phạm là giới điều của tỳ-kheo thì sa-di cũng sẽ đồng phạm, vì vậy nếu phạm giới tỳ-kheo thì sa-di cũng sẽ bị kết một tội. Do đó sa-di nói ở đây chính là nhân chân thật của Lô-xá-na. Đây là nhân chân thật của tịnh mãn.

Tiếp theo lại nói: “Niết-bàn lấy không phóng túng làm thức ăn”. Cảnh giới của Niết-bàn thanh tịnh tịch diệt là lấy không phóng túng làm pháp thực. Chúng ta có thể không phóng túng thì tâm của chúng ta trong cảnh giới năm dục sáu trần có thể “thường chuyên tâm nhất ý, niệm niệm thanh trừ phiền não”, thường thu nhiếp thân khẩu ý của chính mình, như vậy thì dần dần có thể thông đạt được cảnh giới Niết-bàn, cho nên Niết-bàn chính là dùng không phóng túng làm pháp thực. Thực này có nghĩa là nuôi dưỡng, làm sao có thể nuôi dưỡng ra cảnh giới Niết-bàn của chúng ta? Chính là phải bắt đầu làm từ không phóng túng. Nói cách khác, nếu người phóng túng giải đãi, tâm phan duyên trong cảnh giới năm dục sáu trần, không thể thu nhiếp lại được, vậy thì Niết-bàn sẽ không có phần, vĩnh viễn luân hồi

trong lục đạo, cho nên chúng ta học giới luật thì mục đích chính là thu nhiếp thân tâm.

Trong kinh Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát nói “thu nhiếp sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, đây chính là phương pháp tu hành của người niệm Phật chân chánh. Đại Thế Chí Bồ-tát chính là sơ tổ của Tịnh tông, ngài dạy chúng ta “thu nhiếp sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”. Thu nhiếp sáu căn bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu làm từ trì giới, dùng giới luật thu nhiếp hết thân - khẩu - ý của chúng ta lại, không phóng túng, vậy thì mới có thể thu nhiếp được, sau đó tịnh niệm của bạn mới có thể được tiếp nối, niệm Phật mới có thể niệm được thành phiên. Nếu không cố gắng trì giới, mà lại nói rằng tôi niệm câu Phật hiệu là được rồi, sáu căn ở trong cảnh giới năm dục sáu trần khởi lên tâm tham trước. Trong miệng mặc dù niệm Phật, mà trong tâm toàn khởi phiền não tham sân si thì đó không phải là niệm Phật. Cho nên, sơ tổ Tịnh tông là Đại Thế Chí Bồ-tát dạy chúng ta giống như đại sư Ngẫu Ích đề xướng vậy: trì giới niệm Phật. *“Trì giới niệm Phật vốn là một môn, tịnh giới là nhân, Tịnh độ là quả”*. Trì giới chính là thu nhiếp sáu căn, niệm Phật chính là tịnh niệm tiếp nối. Đây chính là pháp môn Tịnh độ.

“Siêng năng khích lệ” có nghĩa là “không phóng túng”, cho nên đây chính là “giới sa-di”. Giới sa-di giúp chúng ta siêng năng khích lệ không phóng túng, đây chính là “pháp thực của đại Niết-bàn”.

Tiếp theo lại nói “tịch” chính là “lý của bốn giác”, “câu” chính là “trí của thủy giác”. Tịch tức là nói lý thể, lý thể của hết thủy vạn pháp là tịch diệt, là không sanh không diệt, vốn tự thanh tịnh. Hiện nay, do chúng ta có vọng tưởng phân biệt chấp trước nên không thể chứng được lý thể tịch diệt này, do đó mà luân chuyển chịu khổ một cách vô ích. Hiện nay là tu trí tuệ của thủy giác, bắt đầu giác ngộ rồi, thì phải dùng trí tuệ của quán chiếu để quán chiếu lý thể của bốn giác. Trí tuệ có thể quán chiếu này chính là thủy giác, lý thể được quán chiếu chính là bốn giác. Viên giáo chủ trương thủy giác chính là nhất tâm tam quán, tức không, tức giả, tức trung. Một niệm viên thành tam quán: không - giả - trung, ngay đó liền đem ba loại phiền não kiến tư, trần sa, vô minh đoạn trừ nên đạt được ba loại trí tuệ: nhất thiết trí, đạo chủng trí, nhất thiết chủng trí. Đây chính là cảnh giới giác ngộ rốt ráo, đây gọi là “cứu cánh giác”. Điều này chính là nói đến “giới sa-di”. Cho nên, giới sa-di cũng chính là con đường lớn để thành tựu cứu cánh giác. *Thông cù* chính là con đường lớn thông suốt, có thể trực tiếp đi thẳng tới đại Niết-bàn. Đi thẳng tới đại

Niết-bàn chẳng qua chính là siêng năng dùng trí tuệ quán chiếu của chúng ta, quán chiếu đến cuối cùng thì “thủy bồn hợp nhất”, cái tâm có thể quán chiếu và lý được quán chiếu hợp làm một, vậy thì trở thành cứu cánh giác rồi.

Chúng ta trì giới niệm Phật cũng là đang tu “thủy bồn hợp nhất” này. Hiện nay, chúng ta khởi tâm trì giới để thu nhiếp, bảo vệ thân khẩu ý của chúng ta, đây chính là thủy giác. Thân khẩu ý của chúng ta hợp với giới luật, phải biết rằng giới luật chính là do Phật chế ra, thân khẩu ý của Phật chính là giới luật, thân khẩu ý của chúng ta và thân khẩu ý của Phật hợp làm một thì đây chính là thủy bồn hợp nhất. Trì giới trì đến rốt ráo rồi, không cần khởi tâm động niệm cũng sẽ không phạm giới, vậy thì trì được tự nhiên, tự động rồi. Như Khổng lão phu tử đến 70 tuổi là “tùy tâm mong muốn cũng không vượt khỏi quy củ”, ngài dùng đạo của thánh hiền để tu thân, tu đến 70 tuổi, thì tùy theo tâm mong muốn cũng đều không vi phạm quy củ, vậy thì thành thánh nhân rồi. Chúng ta trì giới cũng vậy, trì đến thuần thục rồi, trì đến tự nhiên rồi thì tùy tâm mong muốn đều không phạm giới, đây là thành Phật rồi, đây là thủy bồn đã hợp nhất, cộng thêm niệm Phật, cái tâm có thể niệm Phật chính là thủy giác, chính là nhất tâm tam quán. Câu Phật hiệu này - bồn tánh của danh hiệu tức là không, đây là không quán, niệm câu Phật hiệu này rõ ràng rành rẽ, đây là giả quán; niệm đến niệm mà không niệm, không niệm mà niệm thì đây chính là trung quán, cho nên một câu Phật hiệu tức là không, tức là giả, tức là trung, đây chính là thủy giác, Phật hiệu được niệm chính là bồn giác, chính là pháp thân của Như Lai. Cái tâm có thể niệm và Phật hiệu được niệm hợp làm một, chính là thủy bồn hợp nhất, gọi là cứu cánh giác. Cho nên giới sa-di, chúng ta thông qua trì giới niệm Phật mà đạt đến cứu cánh giác, đây chính là con đường lớn, gọi là quang minh đại đạo, tiếp theo:

“Lại nữa tánh ác vốn không, tánh từ vốn đủ. Tâm tánh vốn không giải đãi phóng túng. Bồn tánh không tịch là lý tức sa-di. Đạt lý thọ giới là danh tự sa-di. Viên phục ngũ trụ là quán hạnh sa-di. Sáu căn thanh tịnh là tương tự sa-di. Phá hoặc hiển lý là phần chứng sa-di. Lô-xa-na gọi là tịnh mãn, đại Bát-niết-bàn vĩnh viễn xa lìa phóng túng, thủy giác bồn giác thâm hợp không hai là cứu cánh sa-di. Như thời Phật Đại Thông có 16 vị Vương tử là tấm gương chân thật của sa-di”.

Đại sư Ngẫu Ích viết quá hay, dùng giáo lý của “Thiên Thai lục tức” để giải thích rõ ý nghĩa của sa-di.

Tông Thiên Thai nói đến lục tức Phật, giống như ở đây nói lục tức sa-di, lục tức là nói đến sáu, chính là nói có thứ lớp là *lý tức, danh tự tức, quán hạnh tức, tương tự tức, phần chứng tức, cứu cánh tức*, đây gọi là sáu. Sáu tầng này nói rõ tu hành có thứ lớp cao thấp. Hiểu rõ thứ lớp này rồi thì người tu hành sẽ không sanh khởi tâm ngạo mạn, sẽ không nói “tôi vốn dĩ chính là Phật nên không cần tu nữa”.

Bạn vốn dĩ là Phật là nói lý tức Phật, hết thấy chúng sanh đều là lý tức Phật, bạn có chỗ nào vượt hơn người khác không? Không có, vậy nếu bạn không tu thì ngay đến danh tự tức cũng không phải, bạn chỉ là lý tức Phật mà thôi, nhưng đáng sanh tử thế nào thì vẫn phải sanh tử thế đó, đáng luân hồi thế nào thì sẽ luân hồi như thế đó.

Biết được có những giai đoạn thứ lớp khác nhau, thì chúng ta có thể biết được cách tu hành, giống như danh tự tức Phật, chính đại sư Ngẫu Ích đã nói mình chỉ là “vị trí danh tự trong chân Phật nhãn”, ngài nói chính mình chỉ là danh tự tức Phật, cũng tức là chỉ biết được những danh tự này trong Viên giáo, chưa thật sự đoạn trừ được phiền não, ngay đến công phu hàng phục phiền não cũng không có, đây gọi là danh tự tức, nhưng ngài đã biết được thật tướng của các pháp, so với lý tức Phật thì tốt hơn rất nhiều rồi. Lý tức Phật chỉ là trên lý tánh thì bình đẳng không hai với Phật, nhưng hoàn toàn không có tu hành, thậm chí ngay đến những đạo lý này của Phật cũng không biết, gọi là một vị Phật hồ đồ. Điều này là hoàn toàn nói trên lý tánh, còn trên sự tướng thì hoàn toàn trái ngược.

“Danh tự tức Phật” là biết danh tự của lý tánh tức Phật. Trên danh tự, chữ viết, lời nói thì có thể thông đạt hiểu rõ hết thấy các Pháp đều là Phật pháp. Nói cách khác, họ là người đã ngộ được tri kiến của Phật. Tri kiến của họ giống như Phật vậy. Trong Thiên tông nói đây chính là người đại triệt đại ngộ, trong Giáo hạ nói đây là người đại khai viên giải. Mặc dù họ chưa phục đoạn được phiền não nhưng tri kiến thì hoàn toàn giống như Phật rồi, họ đều có thể chú giải kinh luận giống như cổ Phật tái lai chú giải kinh luận vậy. Đại sư Ngẫu Ích thị hiện là danh tự tức Phật. Vậy chúng ta nghĩ xem, chúng ta có thể ngay đến danh tự tức Phật cũng đều không phải mà chỉ là lý tức Phật thôi, do đó làm sao có tâm ngạo mạn được chứ?

Nói đến “quán hạnh tức Phật” thì cao hơn danh tự tức Phật, chẳng những có thể biết rõ hết thấy pháp đều là Phật pháp, mà họ còn có thể dùng trí tuệ quán chiếu, trí tuệ có thể quán chính là trí tuệ bát-nhã, tương ưng với cảnh giới lý thể được

quán, đây chính là quán hạnh tức Phật. Những bậc này có thể phục được phiền não, giống như đại sư Trí Giả, ngài tự nói với mọi người rằng ngài chính là người ở địa vị quán hạnh, cao hơn đại sư Ngẫu Ích. Ngài nói, nếu mình không ra lãnh chúng sớm, khiến việc tu hành bị trễ nải thì bản thân có thể chứng được “lục căn thanh tịnh vị”. Lục căn thanh tịnh vị chính là tương tự tức Phật ở phía sau, mà đại sư Trí Giả nói rằng ngài chỉ vãng sanh phẩm vị thứ năm. “Ngũ phẩm đệ tử vị” là thuộc về “ngũ phẩm quán hạnh vị”, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là cõi Phạm thánh đồng cư. Tương tự tức Phật thì nhập vào cõi Phương tiện hữu dư.

Phẩm vị thứ năm là phẩm thứ năm nào? Căn cứ theo giáo lý của kinh Pháp Hoa thì thứ nhất là “tùy hỷ phẩm”, cũng tức là nghe được những kinh điển thâm sâu của Viên giáo, như sau khi nghe kinh Pháp Hoa thì có thể không hủy báng, không mắng chửi, mà có thể sanh khởi tâm tùy hỷ, nhìn thấy hết thảy chúng sanh thành tựu, tu tập hết thảy thiện pháp cũng có thể sanh tâm tùy hỷ hết thảy, đây gọi là tùy hỷ phẩm. Công đức tùy hỷ này vô cùng thù thắng. Mặc dù bản thân không làm, nhưng người khác làm rồi mà chúng ta có thể tùy hỷ thì công đức này cũng ngang bằng với họ. Ngược lại nếu đố kỵ với thiện pháp của người, đố kỵ với thành tựu của người thì tội nghiệp này rất nặng. Tu tùy hỷ, tùy hỷ nói ở đây chủ yếu là tùy hỷ thiện pháp trung đạo đệ nhất nghĩa đế trong Viên giáo.

Thứ hai là “đọc tụng phẩm”, tức là đọc tụng các kinh điển, đặc biệt là kinh điển của Viên giáo. Như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều thuộc về Viên giáo. Kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ có thuộc về Viên giáo không? Đương nhiên là thuộc về Viên giáo. Đại sư Ngẫu Ích nói: chẳng những là Viên giáo mà còn là “áo tạng của Hoa Nghiêm, bí tủy của Pháp Hoa”, bảo tạng áo diệu của Hoa Nghiêm, tinh tủy bí mật của kinh Pháp Hoa đều ở trong một bộ kinh A-di-đà, một bộ kinh Vô Lượng Thọ. Cho nên, chúng ta có thể đọc tụng thì công đức này cũng rất lớn. So với đọc những kinh điển khác càng thù thắng hơn. Đương nhiên, kỳ thực bản thân kinh điển không có cái gì là Tạng Thông Biệt Viên cả. Tạng Thông Biệt Viên là từ trên căn tánh của chúng ta mà phân ra. Ví dụ nói giới Sa-di, thông thường cho rằng đây là pháp Tiểu thừa, đây là Thanh văn tạng, đây là Tạng giáo, cao nhất là Tạng giáo, nhưng bạn xem lời nói đầu này của đại sư Ngẫu Ích thì Sa-di chính là Viên giáo, không phải Tiểu thừa, gọi là người viên dung thuyết pháp thì không pháp nào chẳng viên dung, đọc kinh như vậy mới gọi là biết đọc, không phải đọc kinh chết cứng, mà là đọc kinh sống động, tất cả kinh điển bày ra trước mặt bạn đều là kinh

điển của Viên giáo, đây chính là nhập vào đọc tụng phẩm. Cho nên, bạn xem đại sư Ngẫu Ích chú giải Tứ Thư, Tứ Thư là của nhà Nho, có người nói đây chẳng phải là kinh điển của ngoại đạo sao? Đây là kinh điển của ngoại đạo, bạn xem Tứ Thư Giải của đại sư Ngẫu Ích, đó chính là Viên giáo nhất thừa liễu nghĩa. Bạn không biết đọc thì bạn sẽ đọc chúng thành kinh điển ngoại đạo. Đại sư Ngẫu Ích biết đọc nên đọc thành Viên giáo.

Thứ ba là “thuyết pháp phẩm”, thuyết pháp phẩm cũng gọi là giải thuyết phẩm, tức là tuyên dương những lời giáo huấn này của thánh nhân. Phía trước là có thể tùy hỷ những giáo nghĩa này, có thể đọc tụng những kinh điển này, thì trong tâm sẽ có sự lý giải. Vì sao hiện nay chúng ta đọc tụng mà dường như không có sự lý giải gì vậy? Chính là do đọc chưa đủ. Người xưa nói “đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu”. Bạn đọc bộ kinh này 1.000 lần thì có thể lý giải được nghĩa lý đó, thật sự là “vô thượng thâm thâm vi diệu pháp”. Như kinh Vô Lượng Thọ tốt nhất chúng ta có thể đọc tụng 3.000 lần như vậy thì bạn có thể lý giải được. Bản thân tôi trước đây đã đọc 3.000 lần rồi, một ngày nếu đọc một lần thì một năm là 360 lần, trong mười năm có thể đọc xong. Nếu một ngày đọc ba lần thì ba năm có thể đọc xong, một ngày có thể đọc mười lần thì một năm có thể đọc xong rồi, dụng công như thế bạn chắc chắn sẽ vào được cảnh giới. Sau đó bạn lại đọc tụng, thọ trì điển nói cho người thì bạn thật sự có thể giáo hóa lợi ích chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh cũng nhập vào tri kiến của Phật. Cho nên, thuyết pháp cũng giúp đỡ đối với việc tu hành của bản thân, gọi là dạy và học cùng tiến bộ. Bạn xem, người quán hạnh vị coi việc thuyết pháp là một loại tu hành của bản thân, nó là một phương pháp để tự độ, kiêm thêm độ người. đối với thuyết pháp mà nói thì bản thân được lợi ích là lớn nhất. Bạn giảng bộ kinh này, bạn chắc chắn phải chuẩn bị bài giảng, hơn nữa chuẩn bị bài giảng phải rất cẩn thận, phải tư duy, có khi những giáo lý này bản thân không hiểu rõ lắm, làm thế nào đây? Lẽ lạy trước Phật, lạy 300 lạy thì đột nhiên liền hiểu rõ rồi, vậy thì tiếp tục chuẩn bị [bài giảng thôi]. Thật sự dụng công trên cầu Phật đạo, dưới độ hóa chúng sanh, diễn thuyết chánh pháp cho chúng sanh, đây chính là tự độ độ người. Người thật sự có tâm thì phải gánh vác gia nghiệp của Như Lai, đặc biệt là người trẻ tuổi chúng ta phải phát tâm này. Bạn có thể thuyết pháp thì chính là tự độ, đây là một khoa mục tu hành của người quán hạnh vị. Tiếp theo thứ tư là “kiêm hành lục độ phẩm”, lục độ chính là nói lục độ Bồ-tát hạnh: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, bát-nhã của Bồ-tát.

Ở trên nền tảng như vậy, tức là ở trước đã có tùy hỷ, đọc tụng, thuyết pháp, cho nên đối với giáo lý này đã có thể thâm nhập thể hội, mà công phu quán chiếu cũng dần dần thành thực rồi, như vậy thì phải ở trên sự tướng mà hành lục độ vạn hạnh, lợi ích chúng sanh để rèn luyện bản thân, gọi là trải sự luyện tâm, rèn luyện trí tuệ quán chiếu của chính mình. Trong những phương pháp lợi ích chúng sanh vẫn gìn giữ được trí tuệ nhất tâm tam quán của mình, vậy thì phước đức không thể nghĩ bàn. Bồ-tát ở trên nền tảng tu hành chánh quán, kiêm hành lục độ, tức là kèm thêm độ hóa chúng sanh. Lúc này, độ chúng sanh vẫn không phải là công việc chính của chúng ta, mà là kèm theo, kiêm độ chúng sanh. Ở trong quá trình độ chúng sanh này mà rèn luyện sức quán chiếu của chính mình, đừng để bị chúng sanh độ đi mất, bản thân phải có thể như như bất động thì có thể độ chúng sanh, không khởi phiền não, chỉ sanh trí tuệ.

Đến phẩm thứ năm là “chánh hành lục độ phẩm”, ở giai đoạn này, pháp quán của Viên giáo đã tương đối thuần thực rồi, sự tướng và lý tánh cũng có thể thông suốt rồi, gọi là sự không chướng ngại lý, lý không chướng ngại sự, lúc này có thể tự hành hóa tha, xem đó là công việc chính của mình. Bởi vì khi làm các sự tướng tự hành hóa tha đều không mất đi trí tuệ quán chiếu, quán tâm không có chướng ngại, như vậy thì có thể khiến công đức càng thù thắng hơn, đây gọi là chánh hành lục độ. Lấy phước đức lớn để tăng trưởng trí tuệ quán chiếu của chính mình. Dùng trí tuệ quán chiếu để tu vô lượng phước đức, phước tuệ song tu. Như đại sư Trí Giả thị hiện cho chúng ta vậy, ngài chẳng những có trí tuệ, trí tuệ rất cao, giáo lý nhất tâm tam quán của Viên giáo là do ngài sáng lập ra. Bốn giáo của Thiên Thai đều được hoàn thiện trên tay của ngài, ngài sáng lập ra tông Thiên Thai, phước đức cũng không thể nghĩ bàn. Khi ấy ngài xây dựng rất nhiều tự viện, độ hóa rất nhiều người xuất gia, rộng tu các điều thiện, thật sự là vạn thiện cùng quy về Tịnh độ, đây là nói quán hạnh tức Phật.

Thứ tư là “tương tợ tức Phật”. Đây là nói người quán hạnh vị thông qua việc không ngừng tu pháp quán trong Viên giáo. Pháp quán này ngày càng rõ ràng, tâm ngày càng thanh tịnh. Tuy chưa thật sự chứng được lý tánh, tức là chứng được pháp thân, nhưng đối với chân lý, lý thể của pháp thân thì dường như đã thấy được rồi, giống như thật sự đã đích thân chứng được vậy, cho nên gọi là tương tợ tức Phật. Người đến được địa vị này thì mới gọi là tiêu tiêu thánh nhân của Viên giáo, sơ tín vị thì vào tương tợ tức Phật rồi. Viên giáo nói Thập tín, vị thứ trong Thập tín vị là

từ Sơ tín đến Thập tín, họ vẫn chưa chứng được pháp thân, nhưng người Thất tín vị đã đoạn được kiến tư phiền não rồi, ngang bằng với công phu đoạn chứng của A-la-hán, Bát tín thì giống như Duyên giác, Cửu tín thì chính là Bồ-tát, Thập tín thì giống như Phật rồi. Cho nên người Thập tín vị, theo phàm phu thấy thì họ thật sự giống như Phật rồi, là thánh nhân, nhưng đối với pháp thân đại sĩ mà nói thì họ vẫn chưa phải là thánh nhân, họ vẫn gọi là người ở trong địa vị nội phàm. Dưới quán hạnh vị thì gọi là ngoại phàm, tương tợ vị mới gọi là nội phàm.

Đến phần chứng vị rồi thì mới thật sự là thánh nhân, gọi là phá một phẩm vô minh chứng một phần pháp thân, gọi là “phần chứng tức Phật”. “Phần chứng tức” có 41 phẩm, gọi là Thập trụ vị, Thập hạnh vị, Thập hồi hướng vị, Thập địa vị, còn có Đẳng giác, tổng cộng có 41 phẩm phần chứng. Phần chứng tức là họ vẫn chưa viên mãn, viên mãn rồi thì gọi là “cứu cánh tức Phật”.

Giống như vừa vào Sơ trụ vị, Sơ trụ vị trong Viên giáo chính là phần chứng Phật, là Phật thật, không phải Phật giả. Tương tợ Phật vẫn là Phật giả, đến phần chứng thì chính là thật, giống như trăng ngày mừng một vậy, tuy chỉ là một mặt trăng lưỡi liềm nhỏ, nhưng đó là trăng thật, sau đó không ngừng phá vô minh, thì mặt trăng sẽ càng ngày càng lớn, đến mặt trăng ngày 15 thì viên mãn rồi, đây gọi là cứu cánh Phật.

Ở Đông Độ chúng ta, ai có thể chứng được tương tợ tức Phật? Vừa rồi nói đại sư Trí Giả chỉ là quán hạnh vị Phật. Tuy ngài cũng là đại triết đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đại khai viên giải, nhưng ngài chỉ là quán hạnh vị, bản thân ngài tự phán định nên việc này không sai được, người quán hạnh vị vãng sanh vẫn là cõi Phàm thánh đồng cư. Sư phụ của đại sư Trí Giả là thiền sư Huệ Tư, bản thân ngài tự phán định mình là tương tợ tức Phật. Ngài cũng nói như vậy: nếu tôi không bắt đầu lãnh chứng quá sớm thì đời này tôi có khả năng vào được phần chứng vị, hiện nay chỉ có thể đạt được lục căn thanh tịnh vị, chính là tương tợ vị. Tương tợ vị thì rất cừ khôi rồi, đó chính là thánh nhân. Người Sơ tín vị đã có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông rồi, đây là Sơ quả. Người Nhị quả thì có tha tâm thông, túc mạng thông, người Tam quả thì có thần túc thông. Các bậc này đều thuộc về tương tợ vị. Đương nhiên luận về Tứ quả, đó là nói theo Tạng giáo, nói theo thể của Thanh văn, nhưng sự hiểu biết của các ngài đối với vũ trụ nhân sanh là sự hiểu biết của Viên giáo. Tuy công phu đoạn chứng phiền não ngang với Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả, nhưng trí tuệ thì còn kém xa các bậc thánh Tiểu thừa.

Trong lịch sử Trung Quốc chắc chắn có không ít những thánh nhân như vậy. Chúng ta thấy trong “Thần Tăng Truyện”, “Cao Tăng Truyện” đều có ghi chép, có một số vị pháp sư có thể bay trên không, như ngài Tế Công có thể biến hóa, các bậc này ít nhất là người trong tương tự vị. Đại sư Huệ Tư nói với mọi người: “tôi là người ở tương tự vị”. Điều này nếu không phải thật sự đã vào được cảnh giới mà họ tự nói như vậy thì thuộc vào đại vọng ngữ. Ngài chắc chắn đã vào cảnh giới này rồi, nhưng nói bản thân chưa vào được phần chứng chính là do mình lãnh chúng quá sớm, gọi là tổn mình lợi người. Dem việc nâng cao tu hành của bản thân trì hoãn lại, vì lợi ích chúng sanh. Đây gọi là Bồ-tát không cầu tự độ trước mà độ chúng sanh trước. Nhưng có một điểm là nhất định phải cầu sanh Tịnh độ. Nếu không cầu sanh Tịnh độ thì như đại sư Trí Giả là người ở quán hạnh vị vẫn phải đi luân hồi. Bạn nói xem có đáng sợ hay không? Đại sư Trí Giả được tán thán là tiểu Thích-ca của Đông Độ mà còn chưa đoạn được phiền não, ngài chỉ là phục phiền não mà thôi. Nếu những phàm phu như chúng ta thì chắc chắn không bằng đại sư Trí Giả rồi, thậm chí đại sư Ngẫu Ích của chúng ta cũng không sánh bằng. Đại sư Ngẫu Ích là người ở danh tự vị, giả sử không cầu sanh Tịnh độ thì chắc chắn đi luân hồi trong sáu nẻo. Dù bạn đại triệt đại ngộ, giống như đại sư Ngẫu Ích 24 tuổi khai ngộ rồi nhưng chưa đoạn được phiền não thì vẫn đi luân hồi.

Cho nên, từ lục tức của Thiên Thai thì chúng ta hiểu rõ được những đạo lý này, thật sự có lợi ích cho việc tu hành của chúng ta, sẽ không sanh khởi tâm cuồng vọng ngạo mạn. Chúng ta hiện nay chính là lý tức Phật mà thôi. Nhưng nói đến “tức”, tức này chính là tuy hiện nay chúng ta là lý tức Phật nhưng chúng ta tu đến cuối cùng thành cứu cánh tức Phật thì lý thể chúng được đều như nhau. Lý thể của chúng sanh chúng ta so với lý thể của Phật là không hai không khác, cho nên chúng ta cũng sẽ không sanh khởi tâm thoái lui. Đừng cho rằng chúng ta không được đâu, chúng ta làm sao có thể sánh với Phật được chứ? So với các bậc tổ sư đại đức chúng ta cũng không sánh bằng, chúng ta rất kém, cam tâm đọa lạc không chịu tiến lên, xem thường mình mà thoái lui. Hiểu rõ đạo lý của “tức” trong “lục tức” này thì bạn sẽ không sanh tâm thoái lui nữa. Trên lý chúng ta đã là Phật rồi, vậy tại sao không tu khiến cho thành Phật chứ? “Bổn giác vốn có, bất giác vốn không”. Đã là vốn có thì nhất định có thể khôi phục lại, đã là vốn không thì nhất định có thể trừ bỏ được. Điều này giúp chúng ta sanh khởi tín tâm, cho nên “tức” và “lục” này gọi là thứ lớp không chướng ngại viên dung, viên dung không chướng ngại thứ lớp. Đây là chỗ thù thắng trong giáo lý của Thiên Thai.

Chúng ta hiểu được đạo lý của lục tức rồi, bây giờ xem câu văn này: “*Lại nữa, tánh ác vốn không, tánh từ vốn đủ, tâm tánh vốn không giải đãi phóng túng, bốn tánh không tịch là lý tức sa-di*”.

Bây giờ chúng ta đều biết chính mình có ác nghiệp, có hành vi ô nhiễm. Bốn tánh của những hành vi này, của những ác nghiệp này là không tịch. Chúng sanh chúng ta đều có vọng tưởng phân biệt chấp trước, hết thấy ác đều là từ vọng tưởng phân biệt chấp trước mà sanh ra. Vọng tưởng ban đầu đều là không, không có tự tánh, cho nên “tánh ác vốn không”. Bạn nói vọng tưởng, nhị tổ Thiên tông là đại sư Huệ Khả, tâm của ngài bất an, tâm bất an chính là có vọng tưởng. Tổ sư Đạt-ma đưa tay ra nói: “Đem tâm của ông ra đây ta an cho”. Nhị tổ quay lại tìm tâm, tâm không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa, tìm tới tìm lui cũng không tìm được, tìm tâm không thể được. Tổ sư Đạt-ma nói: “Ta đã an tâm cho ông rồi”, tâm của ông ta đã an xong rồi. Ngài Huệ Khả ngay lời nói đó bèn đại ngộ. Hóa ra bốn tánh của vọng tưởng chính là không, cho nên bạn muốn tìm sẽ không tìm thấy, không tìm thấy thì tâm liền an rồi, vốn là không có. Do đó, chúng ta nói tiêu nghiệp chướng, rất nhiều người đều đang bái sám cầu tiêu nghiệp chướng, nghiệp chướng làm sao mới có thể tiêu trừ?

Bạn phải biết bốn tánh của nghiệp là không, thật sự có thể hiểu rõ đạo lý này thì tâm sẽ không bị nghiệp trói buộc nữa. Nghiệp chướng đã tiêu trừ rồi. Cho nên, bạn xem trong “Chiêm Sát Sám”, đại sư Ngẫu Ích trước thuật “Chiêm Sát Sám Nghi” này, đặc biệt hướng dẫn chúng ta khởi loại quán này, nói với chúng ta nghiệp chướng vốn không, vốn đã là không thì tiêu trừ không khó, chỉ cần bạn buông bỏ, hàng phục được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì nghiệp chướng này sẽ tiêu trừ. Bốn tánh của ác này vốn là không, có thể lấy một ví dụ để nói rõ. Ví dụ như bụi bẩn trên tấm gương đồng, người xưa đều dùng đồng làm gương. Gương đồng vốn dĩ sáng sạch, nó có công năng chiếu soi, nhưng hiện nay có rất nhiều bụi bẩn ở mặt gương, cho nên ánh sáng của gương không hiển lộ. Bây giờ chúng ta dùng Phật pháp tu hành, giống như loại bỏ, lau sạch những bụi bẩn này đi vậy. Lau sạch những bụi bẩn này đi thì ánh sáng vốn có của gương đồng liền hiển lộ ra. “Ác” ví như những bụi bẩn đó, “từ” chính là tánh đức từ bi của bốn tánh, “tánh từ vốn đủ”, trong bốn tánh vốn dĩ đầy đủ những tánh đức này, giống như ánh sáng của gương đồng cũng là vốn đầy đủ vậy, không phải nói rằng lau sạch bụi bẩn đi thì nó mới biến thành có ánh sáng, nó vốn dĩ đã có ánh sáng rồi, hiện nay chẳng qua có bụi

bản nên chướng ngại ánh sáng mà thôi. Cho nên, tu hành không phải bảo bạn tăng thêm một chút gì đó, mà chỉ bảo bạn bỏ đi những thứ vốn dĩ không có mà thôi.

Bổn tánh của ác là không thì trừ bỏ nó đi, bổn tánh của từ vốn đủ, vốn dĩ đã có thì hiển hiện nó ra. Lại nói “tâm tánh vốn không giải đãi phóng túng”, tâm tánh vốn dĩ không có cái gọi là giải đãi phóng túng, vì sao nói như vậy? Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận có một câu giải thích vô cùng hay: “*Do hiểu rõ pháp tánh không có tướng của thân tâm, nên lìa xa được sự giải đãi mà tùy thuận tu hành tỳ-lê-da ba-la-mật*”. Bởi vì có thể triệt để hiểu rõ pháp tánh, tức là chân như bổn tánh của chúng ta, trong ấy không có tướng trạng của thân tâm. Chúng ta nói tu hành dụng công đều là dựa vào thân tâm đúng không? Không có thân tâm thì bạn lấy cái gì để dụng công? Trong chân như pháp tánh vốn dĩ không có tướng trạng của thân tâm, cho nên tự nhiên cũng không có tướng trạng của tinh tấn, như vậy thì tự nhiên sẽ xa lìa được sự giải đãi. Không có thân tâm, thì đương nhiên không có sự giải đãi của thân tâm rồi, liền có thể tùy thuận tu hành tỳ-lê-da ba-la-mật. Tỳ-lê-da gọi là tinh tấn, tinh tấn ba-la-mật.

Thế nào gọi là thật sự tinh tấn? Tức là có thể tùy thuận theo pháp tánh mà tinh tấn, đây mới là thật sự tinh tấn. Rất nhiều người chúng ta chỉ biểu hiện trên hình tướng bên ngoài là rất tinh tấn, rất dụng công, liều cả thân thể của mình, có thể không ăn cơm, không ngủ nghỉ, ở đó làm, làm đến mệt mỏi mới thôi, đây không phải thật sự tinh tấn, trong tâm của họ vẫn còn khởi vọng tưởng, họ nghĩ gì vậy? Tôi đang tinh tấn. Đây chính là chấp trên tướng tinh tấn, đây không phải thật sự tinh tấn. Cho nên, trong tâm có cách nghĩ tinh tấn thì đã không phải là tinh tấn rồi. Thật sự tinh tấn là gì vậy? Thân tâm đều tùy thuận theo pháp tánh mà tu, an trụ trong chánh niệm, xa lìa tướng thân tâm, vừa không giải đãi, cũng không được có tướng tinh tấn. Đây gọi là vốn không giải đãi. Nói cách khác, tinh tấn như vậy chính là đầy đủ tinh tấn, tinh tấn như vậy mới thật sự không phóng dật, vĩnh viễn an trụ trong chánh niệm, an trụ trong trí tuệ quán tâm.

Đại sư Ngẫu Ích nói “*quán tâm là quan trọng*”, trong nhất tâm quán hết thấy pháp là không, hết thấy pháp rõ ràng phân minh, hết thấy pháp chẳng không chẳng có, cũng là không mà cũng là có, tức không, tức giả, tức trung, không mất chánh niệm, đây chính là thật sự tinh tấn.

Các pháp “vốn là không tịch”, nghĩa là vốn dĩ đều là không tịch, vừa rồi trích dẫn kinh Pháp Hoa có nói “các pháp từ xưa nay, tướng nó thường tịch diệt”, đây chính là nói vốn không tịch.

Mỗi một người chúng ta đều là như vậy. “Lý tức sa-di” cũng là như vậy. Nhưng hạng người như vậy chỉ là về lý thì giống với lý thể của Phật, còn sự tu hành của họ thì hoàn toàn không có, đây gọi là lý tức sa-di. Cho nên, từ trên ý nghĩa này mà nói thì mỗi người đều là sa-di, cư sĩ tại gia cũng có thể gọi là sa-di, nhưng là lý tức sa-di. “Đạt lý thọ giới” mới gọi là “danh tự sa-di”, đạt lý là hiểu rõ đạo lý này rồi, biết rõ hết thấy pháp đều là Phật pháp, gọi là đại khai viên giải, sau đó thọ mười giới sa-di như vậy thì vào địa vị danh tự sa-di. Chúng tôi hy vọng mọi người ít nhất là thật sự vào được địa vị danh tự sa-di, đừng chỉ làm lý tức sa-di.

Tốt rồi, hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây, có chỗ nào giảng chưa được thỏa đáng xin chư vị đại đức phê bình sửa sai giúp.